TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 236/2019/DS-PT Ngày: 19 - 6 - 2019 V/v: tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về hoa lợi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Nguyễn Đắc Minh.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Kim Nhi -Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 469/2019 /TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về hoa lợi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2018/HC-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 972/2019/QĐXX-PT ngày 23 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Trần Thị R, sinh năm 1960; có mặt.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T1, huyện V, tỉnh Long An.

Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951; có mặt.

Địa chỉ cư trú: Ấp C1, xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn L1, sinh năm 1961;

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M1, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của ông L1: Bà Trần Thị R, sinh năm 1960; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T1, huyện T, tỉnh Long An.

2. Ông Trần Văn L2, sinh năm 1972;

3. Bà Huỳnh Thị Bích L, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C2, xã B, thị xã K, tỉnh Long An;

4. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1967;

5. Bà Mai Thị Nh, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C1, xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

6. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An;

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn S - Quyền chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu G - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 09-5-2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị R trình bày:*

Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.693m^2, tọa lạc tại ấp C1, xã V1, huyện T, tỉnh Long An có nguồn gốc do cha bà là ông Trần Văn Thệ khai phá và được cấp giấy trắng nhưng hiện không còn; đến năm 1996 sang tên cho bà và đã được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất; cha của bà chỉ nói là để cho bà đứng tên chứ không có giấy tờ gì. Sau khi được cấp giấy, bà trồng lúa 02 vụ đến năm 1996. Đến năm 1997 bà L chiếm dụng, bà có khiếu nại lên ấp rồi xã nhưng không được giải quyết, không nói lý do vì ngại đụng chạm và cũng không có văn bản trả lời. Bà L vào chiếm dụng toàn bộ thửa 32 và sử dụng đến nay gần 20 năm bằng cách trồng tràm lên bờ rồi lấn dần toàn thửa. Trong phần đất tranh chấp có một phần do ông L2 đứng tên là 41m^2 và ông Th đứng tên là 447m^2 nhưng thống nhất là cấp nhầm cho ông L2 và ông Th, nên không tranh chấp, sau này sẽ tự thỏa thuận điều chỉnh, hai phần đất này hoàn toàn do bà L sử dụng. Năm 2016 bà có làm đơn xin cấp đổi giấy. Khi cấp giấy cho ông Th1 rồi đến bà thì không có tiến hành đo đạc vì đất có ô sẵn.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại cho bà phần đất nông nghiệp có diện tích 2.693m^2 (đo thực tế là 2.628m^2), loại đất lúa, thửa 32, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp C1, xã V1, huyện T, tỉnh Long An; yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải bồi thường tiền hoa lợi cho từ năm 1997 đến năm 2017 (20 năm) với số tiền 50.000.000 đồng (2.500.000 đồng x 20 năm). Tại phiên tòa sơ thẩm, bà yêu cầu bồi thường tiền hoa lợi từ năm 1997 đến nay là 31.500.000 đồng (21 năm x 1.500.000 đồng).

**Bị đơn, bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01 là do cha mẹ bà khai khẩn từ khoảng năm 1945 nhưng hiện nay không còn giấy tờ và sử dụng liên tục đến 1975 để trồng tràm, trồng lan không lên liếp. Từ năm 1976 bà sử dụng ổn định liên tục để trồng tràm cho đến năm 2013, từ năm 2013 đến nay bà trồng lúa, từ khi cha mẹ bà sử dụng rồi đến bà thì không ai khiếu nại hay tranh chấp, bà cũng không có người thân làm ở Ủy ban nhân dân xã.

Khi đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất do bà có rất nhiều đất nên không biết thửa này bà có được cấp giấy chưa, bà có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp chung cho nhiều thửa nhưng không biết có thửa 32 này không, bà sẽ cung cấp bản sao cho Tòa án. Đến năm 2017, khi Ủy ban nhân dân xã mời lên làm việc do bà R khiếu nại thì mới phát hiện đã cấp giấy cho bà R, trong khi bà

mới là người thực tế sử dụng nhưng lại cấp giấy cho bà R là không đúng, khi cấp giấy cho bà R không đo đạc, cấp theo sự đăng ký, kê khai nên cấp nhầm.

Trong phần đất tranh chấp có một phần do ông L2 đứng tên là 41m^2 và ông Th đứng tên là 447m^2 nhưng thống nhất là cấp nhầm nên không tranh chấp, sau này sẽ tự thỏa thuận điều chỉnh. Việc sử dụng của bà có nhiều người biết và làm chứng cho bà. Phần đất này hoàn toàn do bà sử dụng. Đất này hiện tại chỉ có bà quản lý sử dụng từ trước đến nay, không còn ai khác.

Bà không đồng ý yêu cầu trả đất của bà R vì đất này là của bà, bà canh tác liên tục xuyên suốt, phần của bà R là phần phía sau thửa 32, bà không có lấn chiếm. Không đồng ý yêu cầu bồi thường thiệt hại vì là đất của bà.

Bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 2.693m^2, thửa 32, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp C1, xã V1, huyện T, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Trần Thị R vào ngày 06/6/2016 và xác định thửa 32, tờ bản đồ số 01 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà để cấp giấy lại cho bà.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Văn L1 do bà Trần Thị R đại diện trình bày: Bà là vợ của ông L1, ông L1 ủy quyền cho bà được toàn quyền quyết định trong vụ án.

- Ông Trần Văn L2 trình bày: Ông là cháu ruột của bà R (gọi bà R bằng dì). Theo trích đo ngày 20/6/2017, khu đất có diện tích 41m^2 nằm trong phần đất tranh chấp, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do nhầm lẫn, thực tế từ trước đến nay ông không có sử dụng. Đất của ông với đất tranh chấp giữa bà R và bà L đã có bờ ranh rõ ràng không ai lấn chiếm của ai, thửa đất của ông là thửa 51 liền kề thửa 32 đang tranh chấp. Bà R và bà L tranh chấp, nếu ai được Tòa án công nhận quyền sử dụng đất 41m^2 nêu trên thì ông sẽ điều chỉnh để chuyển tên qua người đó.

- Ông Trần Văn Th trình bày: Theo trích đo ngày 20/6/2017, khu đất có diện tích 447m^2 nằm trong phần đất tranh chấp không phải là của ông, do khi đăng ký kê khai, ông kê khai nhầm sang phần đất trên, thực tế đất của ông với đất tranh chấp giữa bà R và bà L đã có bờ ranh rõ ràng không ai lấn chiếm của ai. Thửa đất của ông là thửa 50 liền kề thửa 32 đang tranh chấp. Ông không có tranh chấp, nếu ai được Tòa án công nhận quyền sử dụng đất 447m^2 nêu trên thì ông sẽ điều chỉnh để chuyển tên qua người đó.

- Ủy ban nhân dân huyện T: Tại văn bản số 733/UBND-NC ngày 20/7/2018, có nội dung: Trên cơ sở xét duyệt hồ sơ cấp giấy của Ủy ban nhân dân xã V1, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị R (thửa 32, tờ bản đồ số 1), ông Trần Văn Th (thửa 50, tờ bản đồ số 1) và ông Trần Văn L2 (thửa 51, tờ bản đồ số 1) là đúng đối tượng theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An: Tại văn bản số 3359/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 10/11/2017, có nội dung: Xét hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T đã thụ lý, giải quyết hồ sơ và trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

CĐ 421318 ngày 06/6/2016 cho bà Trần Thị R, trong đó có thửa 32, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.693m^2, loại đất LUA là đúng theo quy định pháp luật về đất đai.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2018/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị R yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01, diện tích đo đạc thực tế 2.628m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp C1, xã V1, huyện T, tỉnh Long An;

Xác định thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01, diện tích đo đạc thực tế 2.628m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp C1, xã V1, huyện T, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị L.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị R yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải bồi thường tiền hoa lợi từ năm 1997 đến nay với số tiền 31.500.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 32, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.693m^2 (đo đạc 2.628m^2), tọa lạc tại ấp C1, xã V1, huyện T, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Trần Thị R vào ngày 06/6/2016.

Hủy một phần Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 250/QĐ.UB.96 ngày 12/8/1996 của Ủy ban nhân dân huyện T và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B 551776, số vào sổ 306, ngày 12/8/1996 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Trần Thị R đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01, diện tích theo giấy 2.693m^2, loại đất lúa; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ 421318, số vào sổ CS896, ngày 06/6/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Trần Thị R thửa 32, diện tích 2.693m^2, loại lúa (cấp đổi);

Hủy một phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Th số 298/QĐ.UB.96 ngày 20/9/1996 của Ủy ban nhân dân huyện T đối với diện tích 447m^2, thuộc thửa 50, tờ bản đồ số 1 và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số 757QSDĐ/402-LA, Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/9/1996 do ông Trần Văn Th đứng tên đối với diện tích 447m^2, thuộc thửa 50, tờ bản đồ số 1;

Hủy một phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn L2 số 360/QĐ.UB.96 ngày 24/10/1996 của Ủy ban nhân dân huyện T đối với diện tích 41m^2, thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 1 và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 203054, Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Trần Văn L2 ngày 24/10/1996, đối với diện tích 41m^2, thuộc thửa 51, tờ bản đồ 01.

Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01, diện tích đo đạc 2.628m^2 (trong đó có diện tích 447m^2 và 41m^2) được xác định theo mảnh trích đo địa chính số 24 - 2017 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T đo đạc và phê duyệt ngày 20/6/2017.

Bà Trần Thị R, bà Nguyễn Thị L, ông Trần Văn Th và ông Trần Văn L2 có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/10/2018, bà R kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**Tại phiên toà phúc thẩm:*

- Bị đơn bà Trần Thị R vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về tố tụng, việc thụ lý giải quyết vụ án của cấp phúc thẩm là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục, đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà R, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Trần Thị R đúng trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đơn kháng cáo của bà Trần Thị R thấy rằng:

Nguyên đơn, bà Trần Thị R yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại cho bà phần đất có diện tích 2.693m^2 (đo đạc thực tế là 2.628m^2), loại đất lúa, thửa 32, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp C1, xã V1, huyện T, tỉnh Long An; yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải bồi thường tiền hoa lợi cho bà từ năm 1997 đến nay với số tiền 31.500.000 đồng (21 năm x 1.500.000 đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 32, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.693m^2, tọa lạc tại ấp C1, xã V1, huyện T, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Trần Thị R vào ngày 06/6/2016 để cấp giấy cho bà L.

Tại văn bản số 41/UBND-NC ngày 29/5/2018 của Ủy ban nhân dân xã V1 xác nhận nguồn gốc thửa 32 do bà R tự kê khai là *"UBND xã cấp năm 1986"*; *"Quá trình kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà R, Ủy ban nhân dân xã không tiến hành kiểm tra thực địa mà xét duyệt cấp giấy theo diện đại trà, nên bà R được xét cấp theo sự kê khai"*.

Tại văn bản số 41/UBND-NC ngày 29/5/2018 của Ủy ban nhân dân xã V1 và văn bản số 243/UBND-NC ngày 21/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T đều xác định quá trình sử dụng đất thửa 32 như sau: *"Từ năm 1960 - 2013 do gia đình bà Nguyễn Thị L trực tiếp sử dụng để trồng tràm. Trong năm 2013 bà L khai thác tràm và thuê Kobe khai phá tràm chuyển sang trồng lúa 2 vụ cho đến nay. Tại thời điểm cấp giấy bà Trần Thị R không có yêu cầu đo đạc, nên được cấp theo sự kê khai"*. Tại phiên tòa, bà R cũng thừa nhận xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V1 và của Ủy ban nhân dân huyện T là đúng.

Tại văn bản số 63/UBND-NC ngày 03/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã V1 xác định từ trước năm 1990 đến nay bà L vẫn sử dụng thửa 32 ổn định và không có ai khiếu nại hay tranh chấp.

Những người làm chứng đều xác nhận thửa 32, diện tích 2.693m^2 là của gia đình bà Nguyễn Thị L sử dụng từ 09 năm kháng chiến chống Pháp, trồng tràm đến năm 2013 bà L chuyển sang trồng lúa 2 vụ và sử dụng ổn định cho đến nay, không có ai tranh chấp.

Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất số 32 từ trước đến nay do bà L trực tiếp sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Bà R cho rằng thửa đất số 32 có nguồn gốc do cha bà là ông Trần Văn Thệ khai phá và được cấp giấy trắng nhưng hiện không còn; đến năm 1996 sang tên cho bà và đã được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cấp giấy bà trồng lúa 02 vụ đến năm 1996. Đến năm 1997 bà L chiếm dụng toàn bộ thửa 32 và sử dụng đến nay nhưng bà R không có chứng cứ gì chứng minh.

Mặt khác, bà R và bà L đều thừa nhận toàn bộ khu đất tranh chấp đều có bờ ranh với các thửa đất liền kề, chỉ riêng cạnh phía Tây là không có bờ ranh và thông qua thửa 31 của bà L. Bà R cho rằng bà L chiếm đất của bà đến nay đã 20 năm bà mới khởi kiện là không phù hợp với thực tế. bà R trình bày năm 1997 khi bà L chiếm đất, bà có khiếu nại ra Ủy ban nhân dân xã nhưng không có chứng cứ gì chứng minh và mâu thuẫn với việc Ủy ban nhân dân xã V1 xác định từ trước năm 1990 đến nay bà L vẫn sử dụng thửa 32 ổn định và không có ai khiếu nại hay tranh chấp.

Việc bà R được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 32 theo quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 250/QĐ.UB.96 ngày 12/8/1996 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 551776, số vào sổ 306, ngày 12/8/1996 và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 421318, số vào sổ CS896, ngày 06/6/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An là trên cơ sở cấp đại trà, theo kê khai của bà R, hoàn toàn không có tiến hành đo đạc, thẩm tra thực địa của cơ quan chức năng nên không phát hiện thửa đất số 32 do gia đình bà L trực tiếp sử dụng từ năm 1960 đến nay. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà Trần Thị R là không đúng đối tượng và không đúng theo quy định tại Điều 2 Luật Đất đai 1993 và Điều 101 Luật Đất đai 2013.

[2.2] Bà R và bà L tranh chấp thửa đất số 32, đo đạc thực tế là 2.628m^2, trong đó có 447m^2 thuộc thửa 50 ông Th được cấp giấy; 41m^2 thuộc thửa 51 ông L2 được cấp giấy. Ông Th và ông L2 không tranh chấp với bà R và bà L, hai ông đồng ý nếu Tòa án quyết định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ai thì các ông điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người đó. Xét thấy, diện tích 447m^2 và 41m^2 nói trên với diện tích 2.140m^2 đều do gia đình bà L trực tiếp sử dụng từ thời kháng chiến chống pháp đến nay, cạnh phía Nam của thửa 32 có bờ ranh rõ ràng với thửa 50 và 51 của ông L2 và ông Th (do căn cứ vào ranh bản đồ nên mới có phân khu 447m^2, 41m^2), điều này cũng được ông Th và ông L2 thừa nhận. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên hủy một phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th số 298/QĐ.UB.96 ngày 20/9/1996 của Ủy ban

nhân dân huyện T đối với diện tích 447m^2, thuộc thửa 50 và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số 757QSDĐ/402-LA, Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/9/1996 do ông Th đứng tên đối với diện tích 447m^2, thuộc thửa 50, tờ bản đồ 1; hủy một phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L2 số 360/QĐ.UB.96 ngày 24/10/1996 của Ủy ban nhân dân huyện T đối với diện tích 41m^2, thuộc thửa 51 và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 203054, Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông L2 ngày 24/10/1996, đối với diện tích 41m^2, thuộc thửa 51, tờ bản đồ 01 là có căn cứ .

[3] Từ những căn cứ trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L, xác định thửa đất số 32, đo đạc thực tế 2.628m^2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà L. Bà R khởi kiện yêu cầu bà L trả thửa 32, đo đạc thực tế là 2.628m^2 và bồi thường thiệt hại về hoa lợi 31.500.000 đồng (trồng lúa 21 năm) là không có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận yêu cầu của bà L, hủy một phần Quyết định cấp giấy số 250/QĐ.UB.96 ngày 12/8/1996 của Ủy ban nhân dân huyện T và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B 551776, số vào sổ 306, ngày 12/8/1996 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà R đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01, diện tích theo giấy 2.693m^2, loại đất lúa; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 421318, số vào sổ CS896, ngày 06/6/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà R thửa 32, diện tích 2.693m^2, loại lúa (cấp đổi) là đúng thực tế và đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Bà R kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào khác so với án sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo của bà R không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà R, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà R không được Tòa án chấp nhận nên bà R phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị R. Giữ nguyên bản án số: 53/2018/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị R phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000160 ngày 26/10/2018 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng **Nguyễn Đắc Minh** **Hoàng Thanh Dũng**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (HTKN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng